

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội, Địa chỉ của Chủ đầu tư: Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. <b>Điện thoại 024.22200898; Fax: 024.22200899.</b>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mở rộng Trung tâm dữ liệu Tây Hồ (TTDL) tại tòa nhà Công ty Điện lực Ba Đình gồm các phạm vi xây lắp cải tạo các phòng hiện hữu, mở rộng diện tích TTDL từ 82m<sup>2</sup> lên <math>\approx</math> 94m<sup>2</sup>, bố trí các phòng chức năng Server, Staging cụ thể:<ul style="list-style-type: none"><li>✓ + Diện tích phòng máy chủ hiện hữu (Server Room 1) <math>\approx</math> 34 m<sup>2</sup>.</li><li>✓ + Diện tích phòng máy chủ mới (Server Room 2) <math>\approx</math> 20 m<sup>2</sup></li><li>✓ + Diện tích phòng máy chủ GD 2 (Server Room 3) <math>\approx</math> 24 m<sup>2</sup></li><li>✓ + Diện tích phòng Staging <math>\approx</math> 16 m<sup>2</sup></li></ul></li><li>- Cải tạo mới phòng nguồn từ phòng làm việc tầng 1 thành phòng nguồn diện tích <math>\approx</math> 26m<sup>2</sup>, bố trí các thiết bị nguồn điện, UPS tại phòng này.</li><li>- Các phòng sau cải tạo có đầy đủ cơ sở hạ tầng phục vụ cho kế hoạch phát triển CNTT đến năm 2027, tầm nhìn 2030 của EVNHANOI.</li><li>- Phạm vi thiết bị, vật tư phục vụ mở rộng TTDL bao gồm:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Trang bị bổ sung hệ thống tủ 07 Rack server và 01 tủ Rack Network và 14 thanh phân phối nguồn PDU khu vực mở rộng phòng máy chủ Server 2;</li><li>+ Trang bị bổ sung hệ thống tủ 2 Rack Entrance và 1 tủ Rack ODF và 4 thanh phân phối nguồn PDU cho 2 tủ Rack Entrance phòng Staging;</li><li>+ Thiết kế và tính toán trang bị hệ thống tủ điện mới kết hợp tủ điện hiện hữu;</li><li>+ Thiết kế và tính toán trang bị hệ thống UPS bổ sung mới đáp ứng yêu cầu dự phòng nguồn cho các thiết bị CNTT ưu tiên;</li><li>+ Thiết kế và tính toán lựa chọn hệ thống điều hòa chính xác, điều hòa treo tường phù hợp tải thiết bị;</li><li>+ Thiết kế và tính toán lựa chọn mua sắm hệ thống cáp điện;</li><li>+ Thiết kế và tính toán lựa chọn trang bị hệ thống cáp cấu trúc, máng cáp dữ liệu;</li><li>+ Trang bị hệ thống camera giám sát và hệ thống kiểm soát truy cập vào/ ra;</li><li>+ Trang bị hệ thống quản trị giám sát tập trung cho thiết bị trong dự án;</li><li>+ Thiết kế và tính toán lựa chọn trang bị hệ thống thiết bị phụ trợ như chiếu sáng, thang máng cáp.</li></ul></li><li>- Phạm vi PCCC của TTDL được tổng công ty giao cho Công ty</li></ul>

	<p>Điện lực Ba Đình thực hiện theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC và đang trình Cục Cảnh sát PCCC&amp;CNCH thẩm duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đào tạo hướng dẫn sử dụng, đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống cho Đơn vị Quản lý vận hành và đơn vị có liên quan.</li> <li>- Thực hiện xây dựng quy trình vận hành tạm thời hệ thống.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: Công ty điện lực Ba Đình- Số 2, ngõ 693 đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: Quý III/2026
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Quý III/2026
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: Tháng 05/2026

<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn quản lý dự án: Không có</li> <li>- Tư vấn giám sát là: _____[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</li> </ul>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Phù hợp với biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hợp đồng;</li> <li>2.Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</li> <li>3.E-HSMT, E-HSDT của nhà thầu;</li> <li>4.Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;</li> <li>5.Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục;</li> <li>6.Thông số kỹ thuật;</li> <li>7.Bản vẽ;</li> <li>8.Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu;</li> <li>9.Các tài liệu kèm theo khác (<i>Hồ sơ làm rõ</i>).</li> </ol> <p>- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường.</p>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng</li> <li>- Hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa</li> </ul>

	<p>xong.</p> <p>Trường hợp bên nhận thầu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên giao thầu, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm cho bên giao thầu, từng thành viên nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% (<i>điền phù hợp với mục (1) điều này</i>) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 5.4</b></p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>
<p><b>E-ĐKC 6.1</b></p>	<p>a) Trước và khi thi công phải kiểm tra đảm bảo các điều kiện an toàn cho tất cả các hoạt động tại Công trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Chủ đầu tư duyệt phương án an toàn, bảo hộ lao động.</li> <li>* Kiểm tra đủ điều kiện trước khi thi công, trước khi cắt điện.</li> <li>* Trong khi thi công: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu và các nhà thầu phụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ phải tăng cường nhân sự giám sát an toàn, đảm bảo có nhân sự giám sát liên tục tại khu vực có nguy cơ dễ phát cháy và phải có tổ PCCC chuyên trách tại chỗ.</li> <li>+ Quán triệt, cảnh báo, kiểm tra công tác an toàn và các biện pháp an toàn cụ thể cho cán bộ, công nhân hàng ca trước và trong quá trình làm việc; nghiêm cấm sử dụng cán bộ, công nhân chưa được huấn luyện về công tác an toàn; đưa ra khỏi công trường ngay các công nhân, cán bộ để xảy ra hiện tượng mất an toàn, kể cả chưa gây ra sự cố hay thiệt hại, trong quá trình thực hiện dự án.</li> <li>+ Nhà thầu chính có trách nhiệm kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong thi công xây dựng công trình đối với các phần việc do nhà thầu phụ thực hiện; Nhà thầu phụ có trách nhiệm thực hiện các quy định an toàn, lao động, phòng chống cháy nổ đối với phần việc do mình thực hiện.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>

<b>E-ĐKC 8.2 b</b>	<p>- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng</p> <p>- Nhà thầu phải thực hiện theo đúng các cam kết trong phụ lục 1 hợp đồng, trong E- HSDT và tuân thủ các yêu cầu trong E-HSMT.</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i> ].
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [ <i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i> ].
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng, kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Công ty điện lực Ba Đình- Số 2, ngõ 693 đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Tháng 5/2026
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo</p>

	<p>quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ.</p> <p>Nhà thầu có thời hạn 7 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: Tháng 5/2026</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: Quý III/2026.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 15 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày (trong trường hợp nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công và tiến độ cung cấp vật tư thiết bị).</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 50.000.000 đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian dự kiến;</li> </ul>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải đảm bảo đủ trang thiết bị và nhân lực để cập nhật vào nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT), biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm IMIS trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình và áp dụng chữ ký số theo đúng quy định hướng dẫn của Bên A.</li> <li><i>(nhật ký thi công điện tử và chữ ký số sẽ được áp dụng theo hướng dẫn của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội).</i></li> <li>- Nhà thầu phải trang bị thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý của chủ đầu tư phục vụ phê duyệt tài liệu kỹ thuật của gói thầu/dự án.</li> </ul>

<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.</li> <li>2. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</li> <li>3. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</li> </ol>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i>
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: <i>Cố định</i>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng: 15% giá hợp đồng.</p> <p>Giá trị tạm ứng hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày sau khi ký hợp đồng, khi Bên A nhận được các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;</li> <li>- Biên bản bàn giao mặt bằng thi công (bàn giao toàn bộ hoặc bàn giao từng phần).</li> <li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương theo Mẫu số 16 đã nêu trong E-HSMT.</li> </ul> <p>Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.</p> <p>Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau</p>

	<p>đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo mẫu số 15 đã nêu trong E-HSMT.</li> <li>- Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng sẽ được thanh toán theo hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng</li> <li>- Thời hạn thanh toán: 14 ngày ( kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo yêu cầu.)</li> </ul> <p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá trị phần hàng hóa:</b></li> </ul> <p>Thanh toán tới 90% phần hàng hóa (đã bao gồm tạm ứng) trong vòng 14 ngày (trừ trường hợp có yêu cầu/ yếu tố khác của nhà tài trợ) kể từ ngày nhận hàng hóa trên cơ sở Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ hợp lệ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>i. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B</li> <li>ii. Hóa đơn của Nhà thầu miêu tả thiết bị hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng số tiền (Mẫu chính thức được cơ quan thuế chấp thuận, thời điểm phát hành phù hợp với quy định của Pháp luật);</li> <li>iii. Chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) (đối với hàng hoá nhập khẩu);</li> <li>iv. Chứng chỉ chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) của nhà sản xuất;</li> <li>v. Cam kết bảo hành của nhà thầu;</li> <li>vi. Biên bản thí nghiệm xuất xưởng của hàng hoá do nhà sản xuất phát hành;</li> <li>vii. Biên bản xác nhận hàng đã giao đầy đủ về số lượng và phù hợp về chất lượng theo đúng quy định của Hợp đồng được đại diện của hai Bên ký xác nhận;</li> <li>viii. Biên bản nghiệm thu do hai Bên ký xác nhận;</li> <li>ix. Bảo đảm bảo hành: Bằng hình thức Thư bảo lãnh tương đương 5% giá trị hàng hóa đã nghiệm thu, thanh toán do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành</li> </ol> <p>Giá trị hàng hóa còn lại sẽ được thanh toán khi quyết toán công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá trị phần xây lắp hoặc giá trị công trình (nếu không thanh toán phần hàng hóa):</b></li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thanh toán giai đoạn: Bên A sẽ thanh toán giai đoạn cho bên B theo tỷ lệ phần trăm giá trị hợp đồng 90% (bao gồm cả thu hồi tạm ứng) giá trị phần khối lượng đã thi công theo điểm dừng kỹ thuật được 2 bên thống nhất và được nghiệm thu, với điều kiện bên B phải cung cấp đầy đủ</li> </ul>

các chứng từ theo quy định:

- Công văn đề nghị thanh toán của bên B

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

- Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp theo qui định.

- ✓ Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng<sup>(\*)</sup>, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định:

- Công văn đề nghị thanh toán của bên B

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng.

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), giá trị quyết toán bao gồm giá trị hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được lắp đặt vào công trình và các chi phí xây dựng lắp đặt khác theo hợp đồng, Phụ lục hợp đồng). Trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu.

- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng.

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp theo qui định.

- Bảo lãnh bảo hành

Bên A thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị quyết toán của hợp đồng).

- ✓ 5% giá trị còn lại sẽ được thanh toán cho bên B sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn của cấp có thẩm quyền.

- Không thanh toán theo giai đoạn:

- ✓ Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng<sup>(\*)</sup>, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định (*như mục "Thanh toán theo giai đoạn"*) và nộp bảo lãnh bảo hành, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị quyết toán của hợp đồng)

	<p>✓ 5% giá trị còn lại sẽ được thanh toán cho bên B sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn của cấp có thẩm quyền</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: được phép trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%</p>
<b>E-ĐKC 46.2</b>	<p>Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <p>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của</p>

	<p>Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành</p>
<p><b>E-ĐKC 47.1(d)</b></p>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: : thực hiện Phù hợp nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng xây dựng theo Luật Xây dựng; Nghị định 50/2021/NĐ-CP; Nghị định 37/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan</p>
<p><b>E-ĐKC 47.7</b></p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 49.1</b></p>	<p>Mức phạt: Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Nhà thầu: nếu chậm tiến độ 7 ngày thì phạt 0,5 % giá hợp đồng cho 7 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm</li> <li>-Mức khấu trừ cho giá trị phần công việc hoặc giá trị phần hợp đồng chậm thực hiện do lỗi chủ quan của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt như sau: +Mức khấu trừ/ 1 lần = 10% x giá trị công việc thực hiện theo lần/ số lần đăng ký cắt điện đã được duyệt.</li> <li>- Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên;</li> <li>+ Yêu cầu khác (nếu có)</li> <li>* Mức khấu trừ tối đa: 12% giá hợp đồng bị vi phạm.</li> </ul>

	Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng” - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình. - Bồi thường thiệt hại do lỗi của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt,...an toàn, phòng cháy chữa cháy, môi trường.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 52</b>	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, Tư vấn thiết kế, Nhà thầu và các đơn vị khác theo quy định ký xác nhận.
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Quý III/2026
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Quý III/2026
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 5% giá trị hợp đồng
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.
<b>E-ĐKC 57</b>	Chấm dứt hợp đồng:  Sau 28 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng mà Nhà thầu không đến ký biên bản/các hồ sơ liên quan hoặc đến nhưng từ chối ký Biên bản/các hồ sơ liên quan thì Chủ đầu tư sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:  - Nhà thầu dừng thi công 28 ngày mà việc dừng thi công này không có trong Biểu tiên độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép; hoặc nhà thầu không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng của gói thầu; hoặc nhà thầu không ký Biên bản xác nhận khối lượng công việc thực tế đã thực hiện.